

# ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH CHO VIỆC XÂY DỰNG LUẬT HỌC TẬP SUỐT ĐỜI CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HỌC TẬP SỐ

*Bùi Thanh Xuân<sup>1</sup>*

*Email: xuanbt@vnies.edu.vn*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/08/2025

Ngày phản biện đánh giá: 13/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 24/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.789

**Tóm tắt:** Bài viết tổng hợp, phân tích các chủ trương, chính sách cơ bản hiện nay của Đảng và nhà nước đối với lĩnh vực học tập suốt đời (HTSD), kết hợp với tìm hiểu kinh nghiệm xây dựng khung pháp lý về HTSD của một số quốc gia (Hàn Quốc, Thái Lan), và kết quả khảo sát thực trạng xây dựng, thực thi các chính sách liên quan đến HTSD của Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất các định hướng chính sách cho việc xây dựng Luật HTSD của Việt Nam hướng tới xây dựng Xã hội học tập số: (1) Xây dựng hệ thống HTSD mở, linh hoạt và liên thông; (2) Hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế quản lý nhà nước; (3) Nâng cao chất lượng và chuyên môn hóa đội ngũ giáo viên/hướng dẫn viên; (4) Phát huy vai trò của các thiết chế văn hóa - giáo dục ngoài nhà trường; (5) Phát triển các mô hình HTSD trong gia đình, cộng đồng và nơi làm việc; (6) Xây dựng cơ chế đánh giá, công nhận kết quả HTSD; (7) Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ giáo dục trong HTSD; và (8) Bảo đảm sự tham gia chủ động của chính quyền các cấp.

**Từ khóa:** chính sách, học tập suốt đời, xã hội học tập, xã hội học tập số

## I. Đặt vấn đề

Học tập suốt đời (HTSD) và xây dựng xã hội học tập (XHHT) ngày càng trở thành một xu thế mang tính chiến lược của các quốc gia và nền giáo dục mong muốn phát triển vốn con người theo định hướng bền vững. Ở cấp độ cá nhân, HTSD đem lại các tác động tích cực, góp phần cải thiện tình trạng nghèo đói của hộ gia đình, tăng thu nhập và phúc lợi lâu dài. Ở

cấp độ quốc gia, HTSD giúp xây dựng và duy trì lực lượng lao động lành nghề và có khả năng thích ứng cao với những thay đổi của khoa học công nghệ, đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế, tăng mức thu nhập trung bình của người dân.

HTSD là một lĩnh vực liên ngành, liên đới tới nhiều bên khác nhau trong cấu trúc của bộ máy chính phủ ở cấp trung ương cũng như cấp địa phương, vì vậy văn bản

<sup>1</sup> Viện Khoa học giáo dục Việt Nam

luật pháp về HTSD cũng có mức độ phức tạp nhất định và không thống nhất giữa các quốc gia hay khu vực trên thế giới (UIL, 2022a). Ở Việt Nam trong hai thập niên gần đây, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối quan trọng về giáo dục, trong đó HTSD được nhắc đến như một quan điểm chỉ đạo, một định hướng chung (như Luật Giáo dục 2019, Nghị quyết 29, các Kết luận số 49, 51 năm 2019 và số 91 năm 2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 71-NQ/TW năm 2025 về đột phá phát triển GD-ĐT...). Tuy nhiên, chưa có một khung pháp lý chính thức qui định về mục tiêu, nội hàm, phạm vi, cách tiếp cận, đối tượng... của HTSD như một hệ thống toàn diện, xuyên suốt nền giáo dục. Điều này dẫn đến những hạn chế, bất cập trong cả nhận thức và thực tiễn, như coi HTSD chỉ giới hạn trong phạm vi lĩnh vực giáo dục thường xuyên (GDTX), hoặc thiếu sự chia sẻ thông tin, phối hợp giữa các bộ, ngành về các chương trình, hoạt động HTSD. Chính vì vậy, việc nghiên cứu các định hướng chính sách nhằm xây dựng Luật HTSD là rất cần thiết, góp phần khắc phục các hạn chế đang tồn tại và hoàn thiện thể chế giáo dục.

Bài viết rà soát các chủ trương, chính sách cơ bản có liên quan đến HTSD của Đảng, Nhà nước trong hai thập niên gần đây; phân tích kinh nghiệm xây dựng Luật về HTSD của Hàn Quốc, Thái lan, kết hợp với một số kết quả nghiên cứu thực trạng ban hành, thực thi chính sách về HTSD của Việt Nam, từ đó đề xuất một số định hướng chính sách cho việc xây dựng Luật HTSD của Việt Nam.

## II. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, bài báo kết hợp hai phương pháp: nghiên cứu văn bản và nghiên cứu thực tiễn.

Phương pháp nghiên cứu văn bản tập trung tổng hợp và phân tích một số chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng và nhà nước trong hai thập niên gần đây (từ 2005 đến nay), từ đó chỉ ra bức tranh toàn cảnh về hệ thống chính sách đối với lĩnh vực HTSD, những khoảng trống cần khắc phục để hướng tới XHHT số.

Nghiên cứu thực tiễn được tiến hành thông qua việc tìm hiểu kinh nghiệm xây dựng khung pháp lý về HTSD của một số quốc gia như Hàn Quốc, Thái lan, kết hợp với khảo sát thực trạng về các chính sách HTSD của Việt Nam hiện nay (khảo sát thực hiện trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu của tác giả bài báo và cộng sự, đã được nghiệm thu năm 2024). Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn quốc tế và Việt Nam, các tác giả đề xuất một số định hướng chính sách cơ bản cho việc xây dựng Luật HTSD trong bối cảnh hiện nay.

## III. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Khái niệm Học tập suốt đời và Giáo dục suốt đời

Ở Việt Nam, khái niệm HTSD chưa được đề cập rõ ràng trong các văn bản chính thức của nhà nước, đồng thời cũng chưa được hiểu thống nhất trong các nghiên cứu, hoạt động hoạch định chính sách và thực tiễn. HTSD là một quá trình phức hợp được tổ chức từ gia đình cho một con người khi họ bắt đầu lọt lòng mẹ và được thực hiện liên tục qua các hình thức học tập đa dạng tại nhà, tại trường, nơi làm việc, và ngoài xã hội, kéo dài đến khi con người từ già cuộc sống. HTSD chính là yêu cầu của thời đại đặt ra cho mỗi con người, giúp cho họ có ý thức đầy đủ về bản thân mình và môi trường xung quanh, có vai trò xã hội xác định trong việc làm, trong nghề nghiệp và trong cộng đồng, có đủ kiến thức để biết sống, biết làm việc và biết cộng tác và hòa

hợp với người khác, có kỹ năng sống để góp phần xây dựng đất nước mình và thế giới loài người (Phạm Tất Dong, 2012).

Mặc dù các văn bản pháp qui của Việt Nam hiện nay chưa đưa ra một định nghĩa thống nhất, cách hiểu chung về HTSD là việc học diễn ra mọi nơi, mọi lúc, với mọi người, ở mọi lứa tuổi và trình độ, không phân biệt hình thức học tập, đào tạo hay bằng cấp. Cách hiểu này về cơ bản phù hợp với quan niệm chung của quốc tế và nhiều quốc gia khác. Tuy nhiên, khi sử dụng quan niệm này để làm cơ sở xây dựng khung pháp lí cho HTSD, mỗi quốc gia có thể tự giới hạn phạm vi, đối tượng điều chỉnh của lĩnh vực HTSD cho phù hợp với bối cảnh và thực tiễn giáo dục (ví dụ, trường hợp của Hàn Quốc, về quan điểm chung thì HTSD và giáo dục suốt đời (GDSĐ) vẫn được thừa nhận là mọi loại hình học tập, giáo dục diễn ra từ khi con người được sinh ra đến khi mất đi; song khi xây dựng Luật GDSĐ 1999 (sửa đổi 2007), thì phạm vi của GDSĐ trong Luật được giới hạn chỉ bao gồm các loại hình giáo dục diễn ra bên ngoài trường học chính qui).

Bài viết sử dụng quan niệm HTSD theo nghĩa toàn diện, đầy đủ đã được Viện HTSD của UNESCO khuyến nghị, bao gồm toàn bộ các hoạt động học tập dành cho mọi người ở mọi lứa tuổi, giới tính, trong mọi bối cảnh của cuộc sống (gia đình, trường học, cộng đồng, nơi làm việc, v.v.) và thông qua các phương thức học khác nhau (chính quy, không chính quy, không chính thức/ phi chính qui), nhằm đáp ứng nhu cầu, yêu cầu học tập đa dạng của từng nhóm người học (UIL, 2024). Như vậy, năm khía cạnh cốt lõi của HTSD gồm: i) việc học diễn ra ở mọi lứa tuổi; ii) mọi cấp học hoặc trình độ giáo dục; iii) sử dụng mọi phương thức học tập; iv) bao gồm mọi lĩnh vực và không

gian học tập; và v) phục vụ mọi mục đích học khác nhau. HTSD cũng đặt ra yêu cầu về ghi nhận, xác nhận và công nhận các hiểu biết, kỹ năng mà người học đạt được trong môi trường giáo dục không chính qui hoặc không chính thức.

#### *Giáo dục suốt đời*

Trong nhiều văn bản chính sách quốc gia cũng như các thảo luận quốc tế, HTSD và GDSĐ đôi khi được sử dụng thay thế lẫn nhau với hàm ý tương đương về nội hàm (Billett, 2018). Nếu như HTSD đề cập đến việc học của tất cả mọi người, với mọi phạm vi, hình thức khác nhau từ học tập chính qui, không chính qui và phi chính qui - với vai trò chủ động của người học, thì GDSĐ nhấn mạnh hơn đến vai trò, chức năng, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức cung cấp các hình thức học tập đa dạng này cho mọi người học.

Bên cạnh đó, theo Billett (2018), GDSĐ còn có sự khác biệt so với HTSD ở các khía cạnh như yếu tố nền tảng, quá trình thực hiện, kết quả, tiền đề, và hình thức thể hiện. Nói cách khác, nếu HTSD nhấn mạnh khía cạnh ‘nhu cầu’ của người học, là quá trình mang đậm dấu ấn và nỗ lực cá nhân, thì GDSĐ nhấn mạnh đến ‘nguồn cung ứng các cơ hội học tập’, nơi chịu trách nhiệm tổ chức, cung cấp các loại hình và hoạt động học tập tới người học có nhu cầu. Như vậy, GDSĐ bao gồm việc cung ứng mọi hình thức giáo dục, bao gồm cả giáo dục chính qui, không chính qui và không chính thức, tới bất kỳ đối tượng người học nào có nhu cầu trong xã hội.

### ***3.2. Khái quát một số chủ trương, chính sách cơ bản về HTSD và xây dựng XHHT ở Việt Nam trong hai thập niên gần đây***

Trong giai đoạn 2005-2020, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều

chủ trương, chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy HTSD và xây dựng xã hội học tập (XHHT). Đây là định hướng chiến lược nhằm phát triển con người toàn diện, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

Các chủ trương, đường lối của Đảng về giáo dục luôn xác định HTSD và XHHT là động lực của phát triển giáo dục trong tình hình mới. *Chỉ thị 11-CT/TW (2007)* của Bộ Chính trị khóa X đã khẳng định tầm quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng XHHT. Tiếp đó, *Nghị quyết 29-NQ/TW (2013)* về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhấn mạnh yêu cầu xây dựng “hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông giữa các trình độ và phương thức đào tạo”, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi người dân”.

*Kết luận số 49-KL/TW (2019)* của Ban Bí thư Trung ương Đảng khẳng định HTSD là nền tảng nâng cao dân trí, phát triển nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; yêu cầu củng cố phong trào khuyến học, khuyến tài và mở rộng các mô hình học tập trong cộng đồng, cơ quan, doanh nghiệp, góp phần xây dựng XHHT.

*Kết luận số 51-KL/TW (2019)* của Bộ Chính trị tiếp tục cụ thể hóa chủ trương của Đảng, định hướng phát triển XHHT gắn với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đồng thời nhấn mạnh việc củng cố phổ cập giáo dục, phân luồng học sinh, nâng cao chất lượng GDTX.

Để cụ thể hóa các định hướng của Đảng, Chính phủ đã ban hành hàng loạt văn bản quan trọng về HTSD và XHHT.

- Quyết định 112/2005/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2005-2010”, đánh dấu bước khởi đầu cho việc thể chế hóa chính sách HTSD.

- Quyết định 89/QĐ-TTg (2013) phê duyệt Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020”.

- Nghị quyết 44/NQ-CP (2014) triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, tạo hành lang pháp lý để thực hiện đổi mới giáo dục theo hướng mở.

- Quyết định 489/QĐ-TTg (2020) cụ thể hóa Kết luận 49-KL/TW về tiếp tục thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài và phát triển XHHT.

- Quyết định 622/QĐ-TTg (2017) ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì phát triển bền vững, trong đó HTSD được coi là một trong những yếu tố then chốt, đặc biệt trong việc thực hiện Mục tiêu SDG số 4 về giáo dục.

Các chính sách về HTSD và XHHT giai đoạn này thể hiện ba định hướng cơ bản:

- Thứ nhất, xác lập quyền và nghĩa vụ học tập của mọi công dân, bảo đảm cơ hội học ở mọi nơi, mọi lúc, phù hợp nhu cầu và khả năng cá nhân.

- Thứ hai, khẳng định vai trò của toàn xã hội trong việc cung ứng và hỗ trợ cơ hội học tập, huy động sự tham gia của Nhà nước, tổ chức chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng và các cơ sở giáo dục.

- Thứ ba, thúc đẩy liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên, mở rộng hình thức học tập ngoài nhà trường, ưu tiên nhóm yếu thế như người mù chữ, phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người nghèo và người khuyết tật.

*Trong giai đoạn 2021-2030*, hệ thống chính sách của Việt Nam về HTSD và XHHT được định hình rõ nét hơn, gắn liền với yêu cầu thể chế hoá HTSD trong bối cảnh chuyển đổi số, phát triển nguồn

nhân lực chất lượng cao và hội nhập quốc tế sâu rộng.

*Chỉ thị số 14/CT-TTg (2021)* của Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh sáu nhiệm vụ trọng tâm: thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục; phát triển các hình thức đào tạo linh hoạt, học tập từ xa và tự học có hướng dẫn; tăng cường liên thông giữa giáo dục chính quy và GDTX; củng cố tổ chức Hội Khuyến học; đẩy mạnh truyền thông, phong trào học tập; và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện HTSD.

*Quyết định số 1373/QĐ-TTg (2021)* phê duyệt Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030”, đặt mục tiêu bảo đảm mọi người dân được tiếp cận bình đẳng với hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, hiện đại, góp phần phát triển nguồn nhân lực thích ứng với Cách mạng công nghiệp 4.0.

*Kết luận số 91-KL/TW (2024)* của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW (2013) xác định một nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng và ban hành *Luật Học tập suốt đời*, cùng với Luật Nhà giáo, nhằm hoàn thiện khung pháp lý thúc đẩy HTSD, tạo hành lang thể chế cho công dân học tập suốt đời trong bối cảnh chuyển đổi số và kinh tế tri thức.

*Chiến lược phát triển giáo dục đến 2030, tầm nhìn 2045* cũng xác định tạo sự cần thiết phải tạo điều kiện cho mọi người học tập suốt đời, giảm tỉ lệ mù chữ người lớn (Thủ tướng Chính phủ, 2024).

Gần đây nhất, *Nghị quyết số 71-NQ/TW (2024)* về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo nhấn mạnh định hướng phát triển hệ thống giáo dục mở, liên thông, thúc đẩy HTSD, coi GD-ĐT là giải pháp chiến lược để phát triển con người toàn diện, hình thành công dân toàn cầu.

Những chủ trương, chính sách về HTSD giai đoạn 2021-2030 đã đánh dấu

một bước chuyển quan trọng của việc thể chế hóa HTSD, đặt HTSD vào trung tâm của chính sách phát triển giáo dục quốc gia, hướng tới xã hội tri thức, công bằng, sáng tạo và bền vững.

Như vậy, có thể thấy hệ thống chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về HTSD và XHHT trong hai thập niên gần đây đã hình thành nền tảng vững chắc cho sự phát triển của HTSD và XHHT tại Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những khoảng trống, hạn chế nhất định trong các chính sách, và chưa có một văn bản pháp luật mang tính chế tài cao nhất là ‘Luật’ nhằm hệ thống hoá, đồng bộ hoá các vấn đề cốt lõi, cần thiết nhất về lĩnh vực HTSD, tăng tính liên thông, kết nối giữa các phân hệ giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc chia sẻ thông tin và phối kết hợp hiệu quả trong quá trình thực hiện các hoạt động HTSD giữa các địa phương, các bộ ngành. Bên cạnh đó, việc xây dựng và ban hành một văn bản luật ở cấp quốc gia dành riêng cho lĩnh vực HTSD còn thể hiện ý chí và cam kết chính trị của quốc gia trong việc coi HTSD là một trong những ưu tiên về chính sách giáo dục và là con đường dẫn tới sự phát triển có chất lượng, bền vững của nguồn nhân lực.

### **3.3. Yêu cầu hoàn thiện thể chế giáo dục trong bối cảnh hiện nay và thực hiện HTSD như một ‘quyền con người mới’ theo khuyến nghị của UNESCO**

*Xây dựng Luật về HTSD góp phần hoàn thiện thể chế giáo dục Việt Nam, khắc phục những bất cập và khoảng trống chính sách*

Ở Việt Nam, dù chưa có Luật riêng, nội dung về HTSD đã bước đầu được thể chế hóa trong một số văn bản pháp luật. Luật Giáo dục năm 2019 lần đầu tiên quy định chính sách phát triển giáo dục thường

xuyên, khẳng định Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia cung ứng dịch vụ giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời. Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân (2016) cũng chính thức xác định giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên là hai bộ phận của hệ thống, thể hiện định hướng phát triển “mở - linh hoạt - liên thông” (Thủ tướng Chính phủ, 2016).

Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ “hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển giáo dục Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, lấy chất lượng, hiệu quả đầu ra làm thước đo”. Theo tinh thần đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 95/NQ-CP (2023), nhất trí với đề xuất xây dựng Luật Nhà giáo (hiện đã được thông qua năm 2025) và Luật Học tập suốt đời. Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030” (QĐ 1373/QĐ-TTg, ngày 30/7/2021) cũng xác định một trong các nhiệm vụ quan trọng là “nghiên cứu, đề xuất dự án Luật HTSD”. Đây là bước thể chế hóa quan điểm trong Nghị quyết 29-NQ/TW (2013) về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập”.

Một trong những dẫn chứng về bất cập của mạng lưới phục vụ HTSD hiện nay là hoạt động chưa đồng bộ, hiệu quả của các cơ sở GDTX nòng cốt như Trung tâm GDNN-GDTX và Trung tâm Học tập cộng đồng - nơi cung cấp cơ hội HTSD cho nhiều nhóm người học trong cộng đồng. Sau khi thực hiện sáp nhập 3 loại Trung tâm cấp huyện theo Thông tư liên tịch 39/2015/TTLT-BLĐT-BXH-BGDĐT-BNV, một số địa phương triển khai thiếu đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong phân cấp, chức năng, và nguồn lực quản lý của các Trung tâm. Bên cạnh đó, mạng lưới gần

11.000 Trung tâm Học tập cộng đồng trên cả nước từng là nòng cốt thúc đẩy học tập cộng đồng, nhưng hiện nhiều trung tâm hoạt động cầm chừng do thiếu kinh phí, cơ chế khuyến khích và đội ngũ chuyên môn (Viện KHGD VN, 2022).

Các trường cao đẳng và đại học - những “trung tâm nguồn” của HTSD - chưa được tạo điều kiện thuận lợi để phát huy đầy đủ vai trò cung ứng cơ hội HTSD cho cộng đồng. Các chính sách hiện hành về giáo dục người lớn, học tập tại nơi làm việc chưa toàn diện, thiếu sự liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo. Việc ban hành Luật HTSD sẽ tạo hành lang pháp lý đồng bộ để khắc phục những hạn chế này, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục.

*Xây dựng Luật HTSD để phù hợp với xu thế phát triển chung của các nền giáo dục và tạo điều kiện cho hội nhập quốc tế*

Theo cơ sở dữ liệu về chính sách HTSD các quốc gia do Viện Học tập suốt đời UNESCO thu thập, trong số 43 quốc gia cung cấp thông tin, có 27 nước hoặc vùng lãnh thổ đã ban hành văn bản luật hoặc chiến lược quốc gia về HTSD (UIL, 2022a). Các tên gọi phổ biến gồm: Luật Học tập suốt đời (Lifelong Learning Act), Chiến lược quốc gia về HTSD, Luật Giáo dục người lớn hoặc Luật Giáo dục không chính quy. Trong khi đó, Việt Nam cùng 16 quốc gia khác mới chỉ có một số nội dung liên quan đến HTSD lồng ghép trong các luật về giáo dục, chưa có khung pháp lý toàn diện để điều chỉnh lĩnh vực này. Vì vậy, xây dựng luật riêng cho lĩnh vực HTSD là phù hợp với xu thế phát triển giáo dục hiện nay trên thế giới, góp phần nâng cao sự hội nhập quốc tế của Việt Nam.

*Luật HTSD bảo đảm thực hiện ‘quyền con người mới’ của công dân trong thế kỷ XXI*

Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948) đã xác định giáo dục là quyền cơ

bản của con người. Trong thế kỷ XXI, UNESCO mở rộng phạm vi này, coi HTSD là một loại quyền con người mới của công dân toàn cầu - một quyền đi cùng nghĩa vụ học tập để phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội. Theo khuyến nghị của UNESCO (2020) trong báo cáo “Nuôi dưỡng văn hoá HTSD”, HTSD cần được nhìn nhận như một ‘quyền con người mới’, theo đó các quốc gia cần ưu tiên: i) xây dựng khung pháp lý quốc gia về HTSD; ii) thiết lập cơ quan chính phủ chuyên trách HTSD; và iii) từng bước nhìn nhận HTSD là một quyền phổ quát của mọi công dân.

Với cách tiếp cận HTSD như một quyền con người được luật pháp bảo vệ, việc học tập và chủ động tự học, tự bồi dưỡng trong suốt cuộc đời không chỉ là trách nhiệm của mỗi cá nhân mà còn được nhà nước tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để đáp ứng, hỗ trợ cho mọi công dân của mình.

Đặc biệt, việc coi HTSD là một quyền pháp định của công dân sẽ buộc Nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm cơ hội học tập bình đẳng cho mọi người dân, từ người trẻ đến người cao tuổi, qua đó khai thác hiệu quả vốn con người trong xã hội già hóa của Việt Nam. Luật HTSD cũng sẽ thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục, công nhận kết quả có được từ các hình thức học tập linh hoạt như tự học, học trực tuyến, học kết hợp, học tại nơi làm việc/vì công việc, và học trong cộng đồng.

### **3.4. Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng khung pháp lý cho HTSD**

#### **3.4.1. Luật Giáo dục suốt đời của Hàn Quốc**

Luật Giáo dục suốt đời của Hàn Quốc được ban hành lần đầu năm 1999, trên cơ sở kế thừa Đạo luật Giáo dục Xã hội năm 1982, và được sửa đổi toàn diện vào năm 2007 (sửa đổi một phần năm 2009). Đây

là khung pháp lý toàn diện nhằm thúc đẩy giáo dục người lớn và HTSD, bảo đảm mọi công dân có cơ hội học tập liên tục, thuận tiện trong suốt cuộc đời.

Luật gồm 8 chương với 46 điều, quy định từ nguyên tắc, tổ chức hệ thống quản lý đến cơ chế bảo đảm thực thi. Mục tiêu của luật là “thiết lập cơ sở pháp lý để Nhà nước và chính quyền địa phương thúc đẩy hệ thống giáo dục suốt đời theo Hiến pháp và Đạo luật khung về giáo dục”. Luật xác định GDSĐ bao gồm mọi hình thức học tập ngoài hệ thống giáo dục chính quy - như xóa mù chữ, giáo dục nghề nghiệp, bồi dưỡng năng lực, giáo dục văn hóa - xã hội, công dân, nghệ thuật... cho mọi tầng lớp dân cư.

Nội dung trọng tâm của Luật gồm các vấn đề sau: (1) Kế hoạch quốc gia 5 năm một lần về GDSĐ; (2) Cơ cấu tổ chức thực thi - bao gồm Ủy ban thúc đẩy GDSĐ, Viện GDSĐ Quốc gia, các trung tâm GDSĐ tại địa phương; (3) Hệ thống công nhận, chuyển đổi và liên thông kết quả học tập chính quy, không chính quy; (4) Chính sách hỗ trợ người học và giáo viên GDSĐ; và (5) Khuyến khích khu vực tư nhân tham gia.

Luật GDSĐ của Hàn Quốc đã tạo dựng nền tảng pháp lý vững chắc cho việc mở rộng cơ hội HTSD, thúc đẩy hình thành XHHT và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh phát triển kinh tế tri thức.

#### **3.4.2. Đạo luật Thúc đẩy giáo dục không chính quy và phi chính quy của Thái Lan**

Đạo luật thúc đẩy Giáo dục Không chính quy và Phi chính quy (KCQ và PCQ) của Thái Lan được ban hành năm 2008, là văn bản pháp lý quan trọng nhằm thể chế hóa triết lý HTSD, bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội học tập bình đẳng, liên

tục và phù hợp với nhu cầu của từng cá nhân (MOE Thailand, 2008).

Sau khủng hoảng kinh tế cuối thập niên 1990, Chính phủ Thái Lan coi giáo dục, đặc biệt là giáo dục người lớn, là động lực then chốt phục hồi và phát triển đất nước. Trên cơ sở Luật Giáo dục Quốc gia năm 1999 và các chính sách, chiến lược quốc gia về học tập suốt đời, Đạo luật năm 2008 được ban hành nhằm mở rộng cơ hội học tập cho mọi tầng lớp, hướng tới xây dựng một xã hội học tập và phát triển nguồn nhân lực quốc gia.

Đạo luật gồm 25 điều khoản, quy định về: i) Khái niệm, phạm vi, nguyên tắc và mục tiêu của giáo dục KCQ và PCQ; ii) Quyền và trách nhiệm của các bên liên quan trong việc thúc đẩy HTSD; iii) Cơ chế phân cấp quản lý từ trung ương tới địa phương; và iv) Thành lập các cơ quan chuyên trách, bao gồm *Văn phòng Giáo dục Không chính quy và Phi chính quy* (ONIE) trực thuộc Bộ Giáo dục và Ủy ban giáo dục KCQ và PCQ cấp tỉnh để tổ chức thực hiện chính sách.

Một số điểm nổi bật của Đạo luật:

- Xác định rõ vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm cơ hội học tập bình đẳng cho mọi công dân.
- Thúc đẩy sự phân cấp và xã hội hóa giáo dục KCQ và PCQ, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cá nhân.
- Đưa ra cơ chế hỗ trợ tài chính, phát triển cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.
- Tăng cường phối hợp liên ngành trong tổ chức và quản lý HTSD.

Đạo luật 2008 là bước ngoặt quan trọng của Thái Lan trong việc cụ thể hóa chủ trương HTSD bằng hệ thống pháp lý rõ ràng, thống nhất và khả thi, đặt nền móng vững chắc cho việc hình thành XHHT và góp phần nâng cao năng lực người lao động,

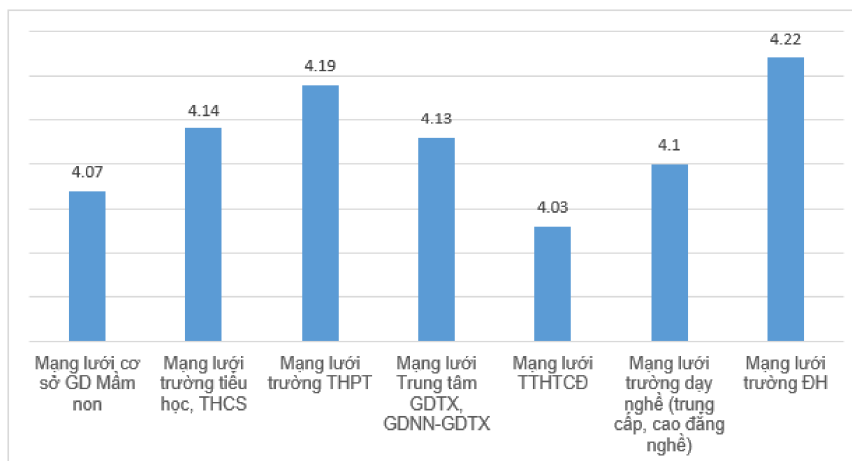
### **3.5. Tóm tắt một số kết quả khảo sát thực trạng xây dựng, thực hiện chính sách về HTSD và nhu cầu đối với việc xây dựng Luật HTSD**

Trong khuôn khổ đề tài NCKH cấp Bộ “Nghiên cứu định hướng xây dựng Luật HTSD” (Bùi Thanh Xuân và cộng sự, 2024), khảo sát đã được tiến hành để tìm hiểu thực trạng xây dựng, ban hành và thực thi các chính sách liên quan đến HTSD hiện nay. Khảo sát được thực hiện theo phương pháp hỗn hợp định lượng và định tính, tại 4 địa phương đại diện (Đồng Tháp, Gia Lai, Thanh Hóa, Hà Nội<sup>2</sup>), với sự tham gia của 881 người (học viên/học sinh, GV, CBQL, đại diện cơ quan, doanh nghiệp và cộng đồng). Khảo sát cho thấy một số kết quả đáng lưu ý.

*Đánh giá về sự phù hợp của việc xây dựng, ban hành chính sách về HTSD*

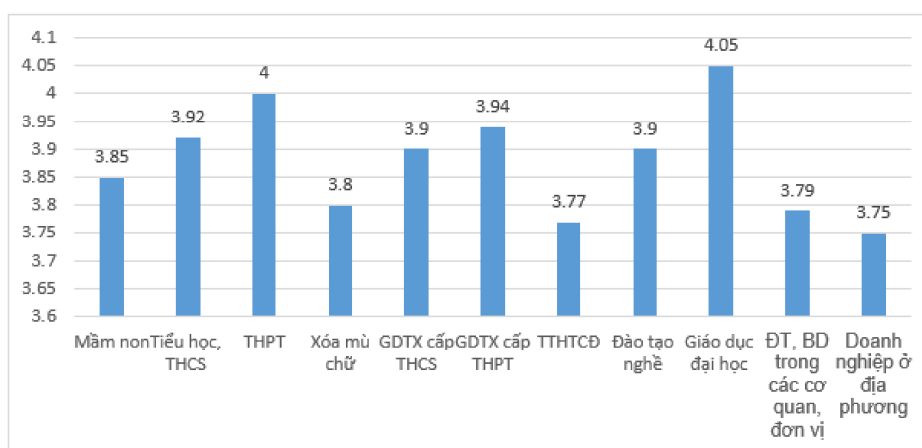
Điểm số trung bình cho thấy: Trong các cấp học, các trường Đại học được đánh giá có mức phù hợp cao nhất trong việc xây dựng, ban hành chính sách phát triển hệ thống mạng lưới, với điểm trung bình là 4.22; trong khi điểm trung bình về mức độ phù hợp thấp nhất là 4.03 được dành cho mạng lưới các Trung tâm HTCD.

<sup>2</sup> Tên các địa phương trước thời điểm 1/7/2025 khi các tỉnh thành được sắp xếp lại theo Nghị quyết 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 06 năm 2025.



Hình 1. Điểm trung bình về mức độ phù hợp trong việc xây dựng, ban hành chính sách phát triển hệ thống mạng lưới các cơ sở giáo dục - theo đánh giá của CBQL, GV

*Đánh giá mức độ phù hợp của các văn bản hướng dẫn đánh giá, công nhận kết quả học tập của người học các loại chương trình giáo dục*



Hình 2. Điểm trung bình mức độ phù hợp của các văn bản hướng dẫn đánh giá, công nhận kết quả học tập của người học đối với các loại chương trình giáo dục - theo GV và CBQL

Nhìn chung, các văn bản hướng dẫn đánh giá, công nhận kết quả học tập của người học ở các nhà trường chính quy được GV, CBQL tham gia khảo sát đánh giá là tương đối phù hợp. Tuy nhiên, kết quả tọa đàm với CBQL, GV cho thấy việc công nhận kết quả học tập hiện nay vẫn chỉ đảm bảo liên thông trong bản thân các trường chính quy hoặc trong các cơ sở GDTX với nhau, chưa thực hiện được liên thông giữa GDTX với giáo dục chính quy, ảnh hưởng đến mục tiêu xây dựng hệ thống giáo dục mở liên thông

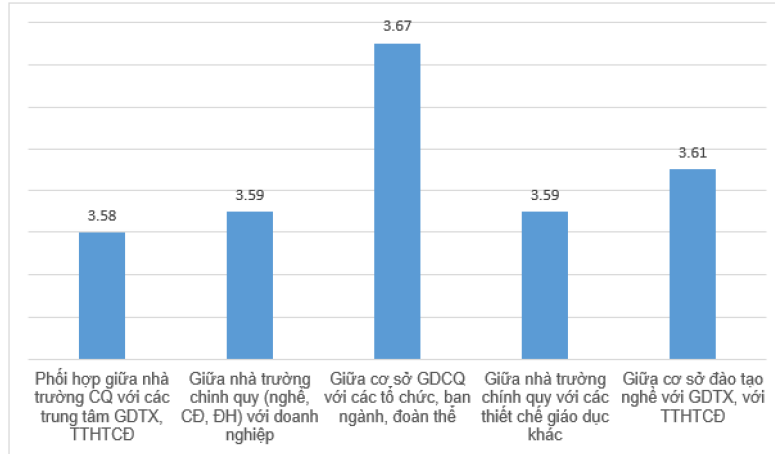
giữa các cấp bậc học, giữa các phương thức đào tạo.

*Ý kiến về sự phối hợp giữa các cơ sở giáo dục, cơ quan, ban ngành đoàn thể trong việc cung ứng cơ hội HTSD cho mọi người*

Kết quả khảo sát cho thấy, điểm trung bình mức độ phối hợp giữa các cơ sở giáo dục, cơ quan, ban ngành đoàn thể trong việc cung cấp cơ hội HTSD cho mọi người không quá chênh lệch giữa các cấp học và các cơ sở giáo dục. Điểm trung bình dao động từ 3.58 đến 3.67, tức

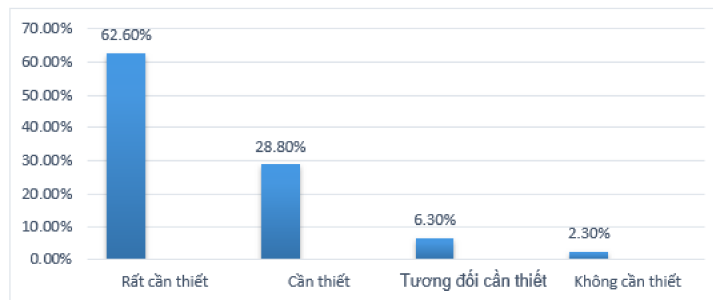
là ở mức đánh giá từ “phối hợp tương đối tốt” và “phối hợp khá tốt”, với điểm trung bình cao nhất là sự phối hợp giữa cơ sở giáo dục chính quy với các tổ chức, ban

ngành, đoàn thể (3.67), điểm thấp nhất là sự phối hợp giữa nhà trường chính quy với các trung tâm GDTX, Trung tâm HTCD (3.58).



Hình 3. Điểm trung bình mức độ phối hợp giữa các cơ sở giáo dục, cơ quan, ban ngành đoàn thể trong việc cung cấp cơ hội HTSD cho mọi người

#### *Nhu cầu về xây dựng Luật HTSD*



Hình 4. Nhu cầu xây dựng Luật HTSD

Kết quả khảo sát nhu cầu của các bên liên quan về việc xây dựng Luật HTSD trong giai đoạn sắp tới cho thấy: Phần lớn người được hỏi cho biết rất cần thiết và cần thiết phải xây dựng Luật HTSD (62.6% và 28.8%), chỉ một số rất ít người được hỏi cho biết không cần thiết phải xây dựng Luật này (2.3%).

So sánh sự khác biệt giữa nhu cầu xây dựng Luật HTSD của cán bộ quản lý cấp sở, phòng, trường Trung tâm với giáo viên, hướng dẫn viên của các trường,

các trung tâm thông qua kiểm định Chi-Square Tests cho giá trị Sig=0.107 > 0.05. Như vậy không có sự khác biệt về nhu cầu xây dựng Luật HTSD giữa hai nhóm đối tượng.

Kết quả tọa đàm, phỏng vấn sâu cán bộ quản lý, giáo viên, học viên các cấp học, đại diện doanh nghiệp, hội khuyến học, các ban ngành đoàn thể cũng cho ý kiến tương đồng. Hầu hết người tham gia đều cho rằng rất cần thiết phải xây dựng Luật HTSD trong giai đoạn hiện nay.

“*Có luật sẽ tạo điều kiện cho người dân, người dân có động lực để học*” (CBQL, Sở GD-ĐT Thanh Hóa).

“*Cần xây dựng Luật HTSD vì ở địa phương vẫn còn một số người dân trình độ thấp: Tin học, ngoại ngữ chưa có. Tiêu chí (của nghề nghiệp) giờ lại cao.*” (CBQL, TTHTCD tỉnh Gia Lai).

“*Có Luật sẽ giúp có cơ sở pháp lý hỗ trợ các điều kiện cho nhà trường trong việc thúc đẩy HTSD. Quy định trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, cơ hội việc làm, thăng tiến cho người lao động, ...*” (GV Tiểu học, TP Cao Lãnh).

Như vậy, tóm lược một số kết quả khảo sát cho thấy, mặc dù đã có những văn bản chính sách quan trọng trong lĩnh vực HTSD - đặc biệt giai đoạn gần đây, song một số chính sách còn mang tính phân mảnh, đáp ứng trong ngắn hạn, chưa toàn diện, chưa tạo điều kiện cho phối hợp liên ngành và khắc phục các điểm nghẽn về thể chế trong lĩnh vực GDTX HTSD. Phần lớn người tham gia khảo sát cũng cho rằng xây dựng Luật HTSD là rất cần thiết, phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay.

### **3.6. Đề xuất định hướng chính sách cho việc xây dựng Luật Học tập suốt đời**

#### **3.6.1. Chính sách HTSD đặt trong bối cảnh xây dựng XHHT số**

Nếu như xây dựng XHHT là xu hướng tất yếu của các quốc gia trong giai đoạn chuyển đổi từ triết lí “giáo dục cho mọi người” sang “HTSD cho mọi người” những năm đầu thế kỉ 21, thì xây dựng và vận hành một XHHT số sẽ là xu thế chủ đạo của toàn cầu trong kỉ nguyên số hiện nay. Đề xuất các định hướng chính sách cho lĩnh vực HTSD cần bám sát những đặc thù của một XHHT số để các trọng tâm chính sách vừa có tính bao quát, phù hợp với xu thế chung, vừa khắc phục được các khoảng trống của thực tiễn trong nước. Theo các báo cáo gần đây của UNESCO (2025), Viện HTSD (UIL, 2022b), và

OECD (2019a,b; 2023a,b), XHHT số bao gồm một số đặc điểm cốt lõi sau:

(1) *Hệ thống HTSD vận hành theo hướng mở, số hóa, liên thông và xuyên bối cảnh*: học tập diễn ra ở mọi lứa tuổi, mọi nơi (gia đình, nơi làm việc, cộng đồng, nền tảng trực tuyến), được hỗ trợ bởi nguồn tài nguyên số mở và các lộ trình học tập linh hoạt. Đây là cốt lõi của HTSD trong kỷ nguyên số (UIL, 2022b).

(2) *Cơ sở hạ tầng số bao trùm và truy cập công bằng* - kết nối internet băng rộng, thiết bị đầu cuối, nền tảng học tập trực tuyến, thư viện số và kho tài nguyên giáo dục mở phải sẵn có cho mọi nhóm dân cư (không phân biệt vùng miền, giới tính, thu nhập). Thiếu hạ tầng dẫn đến bất bình đẳng học tập (OECD, 2023a).

(3) *Xây dựng được hệ sinh thái học tập toàn diện (learning ecosystem)*: bao gồm nền tảng quản lý học tập, đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra, micro-credentials (văn bằng nhỏ), liên thông ngang và dọc giữa giáo dục phổ thông - GDNN - đại học - giáo dục KCQ và hệ thống công nhận kết quả học tập không chính quy để cho phép di chuyển học tập/việc làm linh hoạt (OECD, 2023b).

(4) *Cá nhân hóa việc học và học tập thích ứng (adaptive learning)* - sử dụng dữ liệu học tập, phân tích học tập và khai thác trí tuệ nhân tạo để cung cấp lộ trình, nội dung và hỗ trợ phù hợp với

nhu cầu từng người học, đồng thời bảo đảm an toàn dữ liệu và minh bạch về đạo đức để phòng tránh các rủi ro công nghệ (OECD, 2023a).

(5) *Người học có kỹ năng số và kỹ năng nền tảng đa dạng*: XHHT số đòi hỏi không chỉ kỹ năng số (digital literacy) mà cả các kỹ năng nền tảng đa dạng như tư duy phản biện, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng tự học suốt đời (OECD, 2019a).

(6) *Hợp tác liên ngành và đa bên*: Chính phủ, nhà trường, cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp, thư viện, bảo tàng, tổ chức xã hội và cộng đồng... phải cùng nhau vận hành hệ sinh thái học tập; vai trò điều phối của nhà nước vẫn cần thiết để đảm bảo công bằng và chất lượng. Mô hình các thành phố học tập toàn cầu của UNESCO đặc biệt nhấn mạnh tính chất liên ngành này (UNESCO, 2025).

(7) *Bảo đảm an toàn, quyền riêng tư và khả năng tiếp cận có đạo đức*: dữ liệu học tập, trí tuệ nhân tạo (AI) và các nền tảng số phải vận hành theo nguyên tắc minh bạch, bảo mật, tôn trọng quyền con người và không phân biệt đối xử (OECD, 2019b).

### 3.6.2. Quan điểm đề xuất

- Thể chế hóa đầy đủ các quan điểm của Đảng và Nhà nước về HTSD, đồng thời phù hợp với các chủ trương, chính sách hiện nay, đáp ứng yêu cầu thực tiễn về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Chú trọng thể chế hóa những bài học thành công đã được đúc kết qua thực tiễn triển khai các đề án xây dựng XHHT ở nước ta, kết hợp tham khảo kinh nghiệm quốc tế.

- Đảm bảo sự nhất quán, kết nối với hệ thống văn bản luật hiện có trong lĩnh

vực giáo dục, bao gồm Luật Giáo dục, Luật GDĐH, Luật GDNN, và Luật Nhà giáo theo định hướng bổ sung, mở rộng về chính sách cho các văn bản luật nói trên nhìn từ góc độ thúc đẩy HTSD, xây dựng XHHT; làm rõ hơn những khía cạnh của HTSD mà các văn bản luật trên chưa đề cập tới.

- Có cách tiếp cận tổng thể để đảm bảo rằng việc xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế, chính sách HTSD là một tiến trình toàn chính phủ, liên bộ ngành, yêu cầu sự tham gia chủ động và tích cực của mọi bộ, ngành, chính quyền địa phương và toàn xã hội.

### 3.6.3. Các định hướng chính sách cho việc xây dựng Luật HTSD

Với quan điểm phát triển giáo dục gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với yêu cầu của bối cảnh mới, bảo đảm quyền HTSD cho mọi người bằng nhiều hình thức linh hoạt và đa dạng, hướng tới xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân mở, liên thông và khuyến khích học tập suốt đời, các định hướng chính sách trọng tâm cho giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến 2045 tập trung vào các vấn đề sau:

a) *Xây dựng hệ thống HTSD mở, linh hoạt và liên thông*

Chính sách này nhằm tháo gỡ rào cản để bất kỳ ai cũng có thể tiếp cận chương trình học tập phù hợp với điều kiện, nhu cầu của mình. Các cơ sở GDTX, HTSD cần đổi mới tổ chức và hoạt động theo hướng đa chức năng, đáp ứng nhu cầu học tập của nhiều nhóm đối tượng. Trọng tâm là hoàn thiện mạng lưới cơ sở theo hướng mở, kết hợp tham khảo kinh nghiệm quốc tế; tăng tính linh hoạt để người học có thể chuyển đổi ngành nghề, phương thức đào tạo, hoặc học tiếp ở trình độ cao hơn. Hệ

thông liên thông cả dọc và ngang sẽ tạo ra nhiều cơ hội học tập công bằng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

*b) Hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế quản lý nhà nước về HTSD*

Các qui định pháp lý về HTSD hiện mới được thể hiện một phần trong Luật Giáo dục 2019, Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014, chưa bao quát hết đặc thù lĩnh vực. Về lâu dài, cần xây dựng một đạo luật riêng về GDTX hoặc Luật Học tập suốt đời để xác lập địa vị pháp lý đầy đủ, bảo đảm thực thi quyền HTSD của mọi công dân. Chính sách này cũng nhấn mạnh việc hình thành cơ chế phối hợp liên ngành, phân cấp rõ trách nhiệm giữa trung ương và địa phương. Bộ GD&ĐT giữ vai trò đầu mối, điều phối liên bộ/ngành. Ngoài ra, khung pháp lý HTSD cần huy động sự tham gia của mọi lực lượng xã hội trong tạo môi trường học tập đa dạng, thúc đẩy văn hóa HTSD, đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế để nâng cao chất lượng và hội nhập.

*c) Nâng cao chất lượng và chuyên môn hóa đội ngũ giáo viên/hướng dẫn viên về HTSD*

Chất lượng người dạy có tác động mạnh mẽ tới hiệu quả các hoạt động HTSD. Vì vậy, cần thiết lập chuyên ngành giáo dục người lớn, GDSĐ tại các cơ sở giáo dục đại học, đào tạo và tuyển dụng giảng viên có chuyên môn. Đồng thời, cần bồi dưỡng tại chỗ, đào tạo ngắn hạn để nâng cao năng lực cho đội ngũ hiện có, đặc biệt về phương pháp sư phạm dành cho người trưởng thành. Việc cấp bằng, chứng chỉ chuyên biệt cho giáo viên/hướng dẫn viên HTSD sẽ góp phần chuyên nghiệp hóa, bảo đảm chất lượng giảng dạy và quản lý.

*d) Phát huy vai trò của các thiết chế văn hóa - giáo dục ngoài nhà trường*

Các thiết chế như thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa - thể thao có vai trò quan trọng trong việc cung ứng cơ hội học tập không chính quy. Chính sách hướng tới việc tăng cường phối hợp giữa hệ thống HTSD và các thiết chế này nhằm mở rộng không gian và nguồn lực học tập, đặc biệt tại vùng khó khăn. Cùng với đó, các cơ quan truyền thông cần tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về HTSD, đồng thời phổ biến kiến thức, kỹ năng hữu ích. Internet và mạng xã hội cũng cần được khai thác như một kênh học tập mở, hiện đại, giúp người dân có thể học ở bất kỳ nơi đâu, thời điểm nào.

*e) Phát triển các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, cộng đồng và nơi làm việc*

Dựa trên truyền thống hiếu học và tinh thần đoàn kết, cần phát huy vai trò của từng cá nhân, gia đình, tổ chức và cộng đồng trong xây dựng xã hội học tập. Mỗi công dân là “công dân học tập”, mỗi gia đình là “gia đình học tập”, mỗi cơ quan, đơn vị là “tổ chức học tập”, mỗi địa phương trở thành “cộng đồng học tập”. Chính sách tập trung vào việc củng cố và lan tỏa rộng rãi các mô hình này, bảo đảm môi trường thuận lợi, đồng bộ trong cơ quan, đơn vị, cộng đồng để mọi người được khuyến khích học tập suốt đời, không ai bị bỏ lại phía sau.

*f) Xây dựng cơ chế đánh giá, công nhận kết quả học tập không chính quy và không chính thức*

Để tạo động lực và bảo đảm công bằng, cần xây dựng cơ chế đánh giá, ghi nhận, công nhận, xác nhận năng lực mà người học tích lũy từ trải nghiệm học tập KCQ và không chính thức (còn gọi phi chính quy) (UNESCO, 2012). Các kết quả này cần được đối xử ngang bằng với thành

quả học tập chính quy, dựa trên chuẩn đầu ra. Cụ thể, cần hoàn thiện Khung trình độ quốc gia, phát triển quy định về văn bằng nhỏ (micro-credentials) phù hợp với điều kiện Việt Nam, đồng thời mở rộng phạm vi kiểm định chất lượng đối với nhà cung ứng và các chương trình đào tạo theo văn bằng nhỏ. Chính sách này giúp người học có thêm cơ hội được ghi nhận, tăng động lực học tập và khả năng dịch chuyển trong cả hệ thống giáo dục lẫn trên thị trường lao động.

*g) Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ giáo dục trong HTSD*

Chuyển đổi số và công nghệ giáo dục (edtech) là công cụ quan trọng để mở rộng cơ hội học tập, nâng cao chất lượng và bảo đảm công bằng xã hội. Chính sách cần tập trung vào khai thác hạ tầng công nghệ, xây dựng hệ thống quản lí HTSD trên nền tảng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo một cách có trách nhiệm. Hạ tầng số bền vững sẽ giúp mọi người dễ dàng tiếp cận các nguồn học liệu mở, các khóa học trực tuyến chất lượng, qua đó thu hẹp khoảng cách về cơ hội học tập giữa các vùng miền, nhóm xã hội.

*h) Bảo đảm sự tham gia chủ động của chính quyền các cấp trong HTSD*

Kinh nghiệm nhiều quốc gia và khuyến nghị quốc tế đều cho thấy hiệu quả của chính sách HTSD phụ thuộc lớn vào sự vào cuộc của chính quyền trung ương và địa phương. Cần xác định rõ trách nhiệm của từng cấp chính quyền trong quản lí, chỉ đạo và triển khai hoạt động HTSD. Đặc biệt, vai trò và trách nhiệm của lãnh đạo địa phương phải được thể chế hóa, gắn với nhiệm vụ thúc đẩy HTSD. Bên cạnh đó, cần có chính sách liên kết, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa các địa phương nhằm chia sẻ nguồn lực, kinh

ngiệm và triển khai hiệu quả các chương trình HTSD trên phạm vi toàn quốc.

#### IV. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và kinh tế tri thức, HTSD có vai trò then chốt trong phát triển bền vững và đổi mới giáo dục. Theo đuổi việc tự học, tự bồi dưỡng và cập nhật kiến thức, kỹ năng cần thiết cho bản thân, cho nghề nghiệp trong suốt cuộc đời vừa là yêu cầu vừa là động lực phát triển của mỗi cá nhân, và Nhà nước có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho quá trình này.

Việc Việt Nam nghiên cứu xây dựng và ban hành Luật HTSD sẽ thể hiện cam kết mạnh mẽ với cộng đồng quốc tế trong việc thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững số 4 (SDG4): “Đảm bảo nền giáo dục hòa nhập, bình đẳng, chất lượng và cơ HTSD cho tất cả mọi người”.

Các định hướng chính sách cho việc xây dựng Luật HTSD không chỉ là bước hoàn thiện thể chế giáo dục, mà còn là nền tảng pháp lý cho việc kiến tạo xã hội học tập số, nơi mỗi người dân được nhà nước tạo điều kiện thuận lợi nhất để có thể chủ động học tập, sáng tạo và phát triển trong suốt cuộc đời - vì một xã hội văn minh, thịnh vượng và phát triển bền vững.

**Lời cảm ơn:** Bài viết có tham khảo một số kết quả và số liệu của đề tài KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu định hướng xây dựng Luật Học tập suốt đời”, do Bùi Thanh Xuân và cộng sự tại Viện Khoa học giáo dục Việt Nam thực hiện năm 2023-2024.

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Billet. S. (2018). *Distinguish lifelong learning from lifelong education*. Journal of Adult Learning, Knowledge, and Innovation.

- [2]. Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển GD-ĐT*.
- [3]. Phạm Tất Dong. (2012). *Xây dựng mô hình xã hội học tập ở Việt Nam*. Nhà Xuất bản Dân trí, Hà Nội.
- [4]. Ministry of Education Thailand (MOE Thailand). (2008). *Promotion of Non-Formal and Informal Education Act, B.E.2551*.
- [5]. OCED. (2019a). *OECD skills outlook 2019: Thriving in a digital world*. OECD Publishing Paris.
- [6]. OECD. (2019b). *How's Life in the Digital Age?: Opportunities and Risks of the Digital Transformation for People's Well-being*. OECD Publishing, Paris. <https://doi.org/10.1787/9789264311800-en>
- [7]. OECD. (2023a). *OECD digital education outlook 2023: Towards an effective digital education ecosystem*.
- [8]. OECD. (2023b). *Shaping digital education: Enabling factors for quality, equity and efficiency*.
- [9]. The Republic of Korea. (2022). *Lifelong Education Act*.
- [10]. Thủ tướng Chính phủ. (2016). *Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18-10-2016 phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân*.
- [11]. Thủ tướng Chính phủ. (2024). *Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2024 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn 2045*. Hà Nội: Thủ tướng Chính phủ.
- [12]. UNESCO. (2012). *UNESCO Guidelines for the recognition, avalidation, and accreditation of the outcomes of non-formal and informal learning*. Truy cập tại: <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000216360> ngày 2/10/2025
- [13]. UNESCO (2020). *Nurturing a Culture of Lifelong Learning*.
- [14]. UNESCO. (2025). *Fostering a culture of lifelong learning in the digital area*.
- [15]. UNESCO Institute for Lifelong Learning (UIL). (2024). *Lifelong learning*. Accessed on 27/52024, from <https://www.uil.unesco.org/en/unesco-institute/mandate/lifelong-learning>
- [16]. UIL. (2022a). *Lifelong learning policies*. Truy cập tại <https://uil.unesco.org/lifelong-learning/lifelong-learning-policies>
- [17]. UIL. (2022b). *Making lifelong learning a reality: A handbook*. Hamburg, Germany.
- [18]. Viện KHGD Việt Nam. (2022). *Báo cáo phân tích ngành giáo dục*, Chương Học tập suốt đời.
- [19]. Bùi Thanh Xuân và cộng sự. (2024). *Nghiên cứu định hướng xây dựng Luật HTSD*. Đề tài nghiên cứu KHCN cấp Bộ, Viện KHGD VN.

## **POLICY RECOMMENDATIONS FOR THE LIFELONG LEARNING LAW OF VIET NAM IN THE CONTEXT OF DIGITAL LEARNING SOCIETY**

*Bui Thanh Xuan*<sup>3</sup>

**Abstract:** *The article synthesizes and analyzes the current major guidelines and policies of the Communist Party and the State regarding lifelong learning (LLL), in combination with examining the experiences of developing legal frameworks for LLL in some countries (such as South Korea and Thailand), as well as conducting the survey the current situation of policy formulation and implementation related to LLL in Vietnam. Based on these findings, the authors propose key policy orientations for developing Vietnam's Law on Lifelong Learning toward building a Digital Learning Society: (1) Establishing an open, flexible, and interconnected system of LLL; (2) Improving the legal framework and state management mechanisms; (3) Enhancing the quality and professionalization of teachers and instructors; (4) Promoting the role of cultural and educational institutions outside the formal school system; (5) Developing LLL models within families, communities, and workplaces; (6) Establishing mechanisms for assessing and recognizing LLL outcomes; (7) Accelerating digital transformation and the application of educational technologies in LLL; and (8) Ensuring the active participation of local governments at all levels.*

**Keywords:** *policy; lifelong learning; learning society; digital learning society*

---

<sup>3</sup> The Viet Nam National Institute of Educational Sciences